TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày 17 tháng 01 năm 2020
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ

2. Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐHPT-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1994. Nơi ĐKHKTT: Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở: huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn M, sinh năm 1994. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DNG VỤ ÁN:

Theo nội Dng đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năn 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị T bày như sau:

Chị và anh Lò Văn M chung sống với nhau như vợ chồng và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi từ tháng 1 năm 2014, do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị chung sống với nhau đến ngày 23/12/2014 có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 4 năm 2017 thì bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M có hành vi bạo lực đối với chị, chị có bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống được khoảng 2 tháng thì anh M có xuống nhà bố mẹ để đón chị về và viết giấy cam kết không bao giờ đánh vợ. Anh chị cùng nhau đi làm thuê cho một công ty tư nhân tại Vĩnh Phúc, thời điểm này anh chị tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn do anh M ghen tuông vô cớ, thường xuyên có hành vi đánh đập chị do đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 7 năm 2019 chị có chuyển sang công ty khác để làm việc và sống ly thân với anh M. Thời gian sống ly thân không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai, chị xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục Dy trì cuộc hôn nhân này thêm nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn M.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lò Nam Khánh D, sinh năm 14/10/2014. Thời gian anh chị đi làm công ty anh chị có để cháu D lại nhờ ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng và gửi tiền về cho con. Sau khi mâu thuẫn giữa chị và anh M sảy ra, gia đình chồng có thái độ căng thẳng, cản trở chị thăm gặp và tiếp xúc với con. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Khánh D trưởng thành. Chị không yêu cầu anh M phải trợ cấp nuôi con chung cùng chị. Chị hiện đi làm cho công ty Công ty cổ phần VINA tại Bắc Ninh với mức thu nhập 6.300.000/ 1 tháng. Chị đảm bảo khả năng chăm sóc nuôi dưỡng cháu D trưởng thành.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị không có tài sản chung gì.

Về nợ chung: Anh chị không vay nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Theo nội Dng bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, anh M trình bày:

Anh và chị Lò Thị T kết hôn với nhau từ năm 2014 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 23/12/2014. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại gia đình anh M. Thời gian nảy sinh mâu thuẫn là khoảng tháng 7 năm 2019 anh có phát hiện chị T có quan hệ ngoại tình không còn chung thủy với anh. Từ đó vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi vã, xô sát với nhau, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh đã tha thứ cho chị T mong vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và không liên lạc với anh, thời gian ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, tại buổi hòa giải anh xác định nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lò Nam Khánh D, sinh năm 14/10/2014. Anh xác định từ khi ly thân cháu D do anh và bố mẹ đẻ anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không liên lạc cũng không về thăm con. Sau khi ly hôn anh nhận trách nhiệm nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Tuy nhiên mức cấp dưỡng cụ thể anh chưa đưa ra.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị không có tài sản chung gì.

Về nợ chung: Anh chị không vay nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Kết quả xác định: Anh M, chị T kết hôn từ năm 2014 và cư trú tại Z, huyện Mai Sơn. Anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ban quản lý bản chỉ được gia đình anh M phản ánh lại thời gian anh chị rời địa phương đi làm thuê anh M có bắt gặp tin nhắn chị T nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác, không còn chung thủy với chồng và tự ý bỏ đi. Do anh chị không thường xuyên cư trú tại địa phương nên nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được cụ thể, ban quản lý bản cũng chưa tiến hành hòa giải cho anh chị do hai anh chị đều đi làm thuê không có mặt ở địa phương. Về con chung, anh chị có 01 người con chung là cháu Lò Nam Khánh D. Thời gian anh chị đi làm thuê có để cháu D ở nhà ông Phói, bà Báo (bố mẹ đẻ anh M) là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung anh chị sống cùng ông Phói, bà Báo chưa có tài sản chung gì có giá trị, không thấy người dân trong địa phương phán ảnh việc anh chị có vay nợ ai.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T đối với anh Lò Văn M.

Về con chung: Để bảo đảm về quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên, cần giao cháy D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 27/11/2019, chị Lò Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lò Văn M, nơi cư trú: Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Các đương sự có tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình số 02/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2019 với quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án TAND huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn, bị đơn tham gia các buổi hòa giải để giải quyết vụ án, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết. Sau khi thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, anh M được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ hai lần nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt.Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2014. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 23/12/2014. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng tính tình không hợp, có xảy ra cãi cọ và xô sát. Hai vợ chồng đi làm thuê xa cách nên tình cảm dần rạn nứt, anh M nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân với nhau đã lâu nay xác định tình cảm không còn. Chị T cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh M xác định không hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên đồng ý với yêu cầu xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lò Nam Khánh D, sinh ngày 14/10/2014. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được, HĐXX xét thấy: Các đương sự đều có nguyện vọng nuôi con, anh M không chứng minh được mức thu nhập của mình. Hiện thu nhập của chị T ổn định, con chung của các đương sự còn nhỏ. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chung, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con của anh M do chị T không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn M.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lò Nam Khánh D, sinh ngày 14/10/2014. Giao cháu Khánh D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh M được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh M được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004112 ngày 02 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Lương, Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn Thịnh